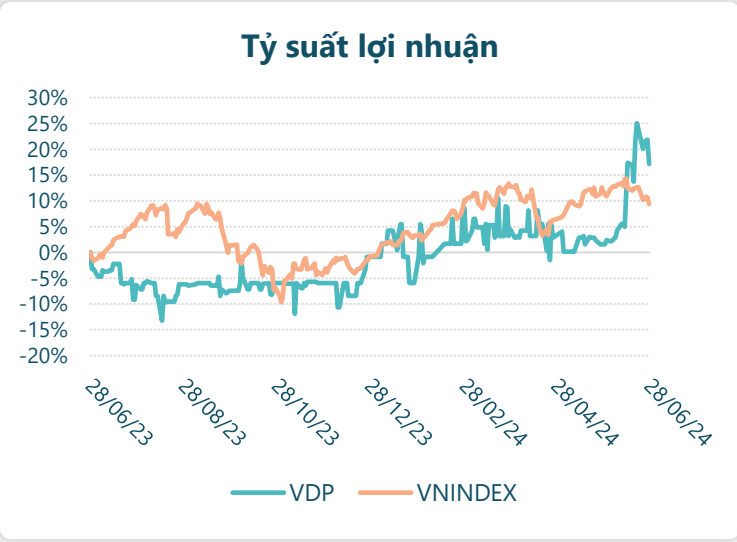


Ngày	37,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.7%	12.1%	21.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	27,406 - 39,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	817
Số lượng CPLH (CP)	22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,425
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	2,973
P/E	12.4



Doanh thu thuần
Q2/24

225

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.0 | 12.2%

YoY: ▼ 21.0 | -8.4%

Nợ/VCSH
Q2/24

54.7%

YoY: +/-▲ 0.2%

LN gộp
Q2/24

60.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.10 | -4.8%

YoY: ▼ 16.4 | -21.3%

ROE (TTM)
Q2/24

9.7%

YoY: +/-▼ 1.6%

LN trước thuế
Q2/24

19.7

tỷ VNĐ

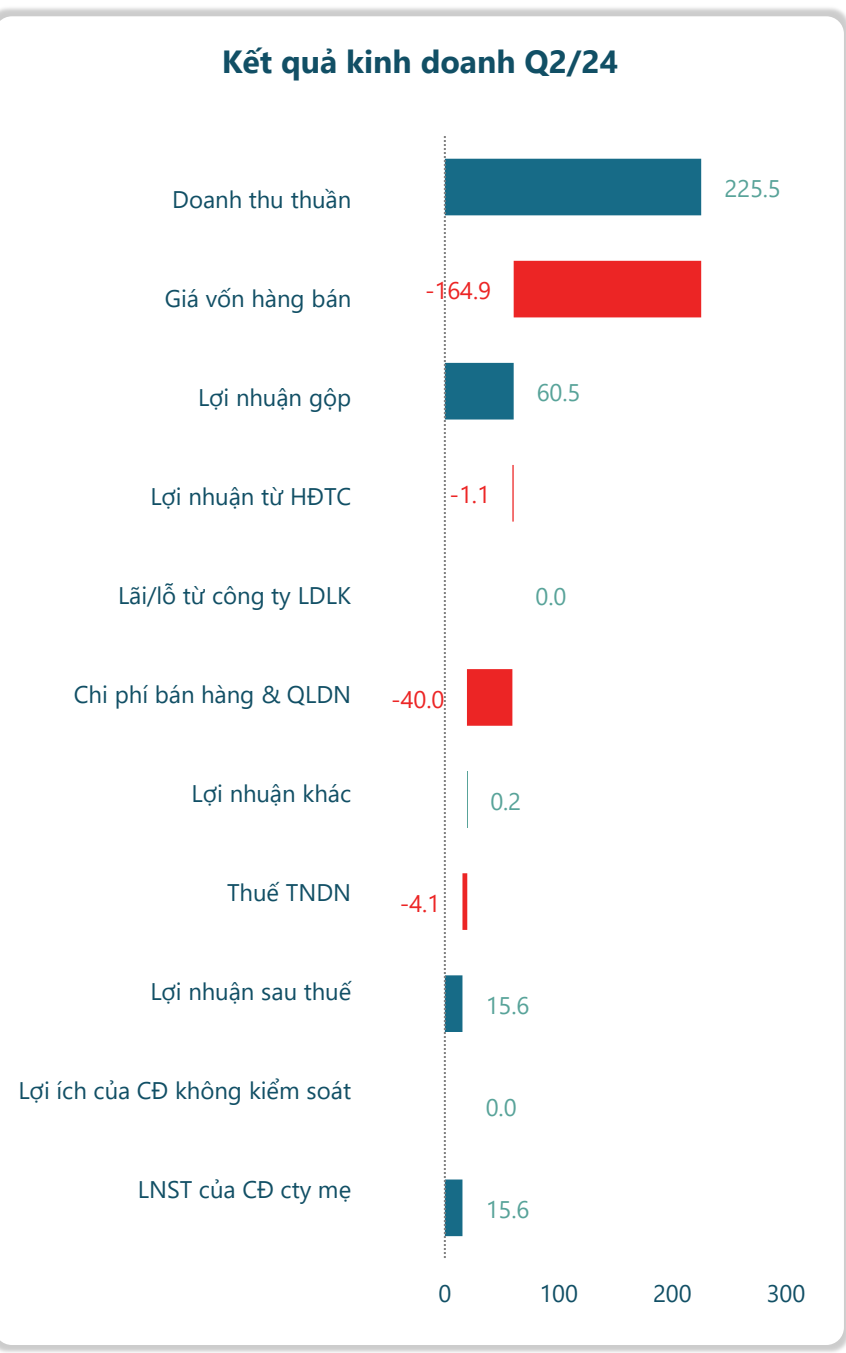
QoQ: ▼ 2.30 | -10.5%

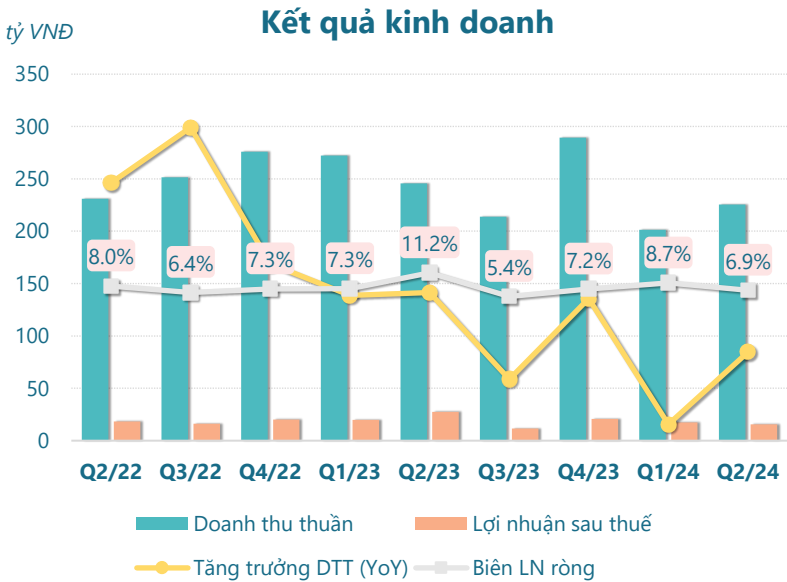
YoY: ▼ 15.0 | -43.3%

ROA (TTM)
Q2/24

6.0%

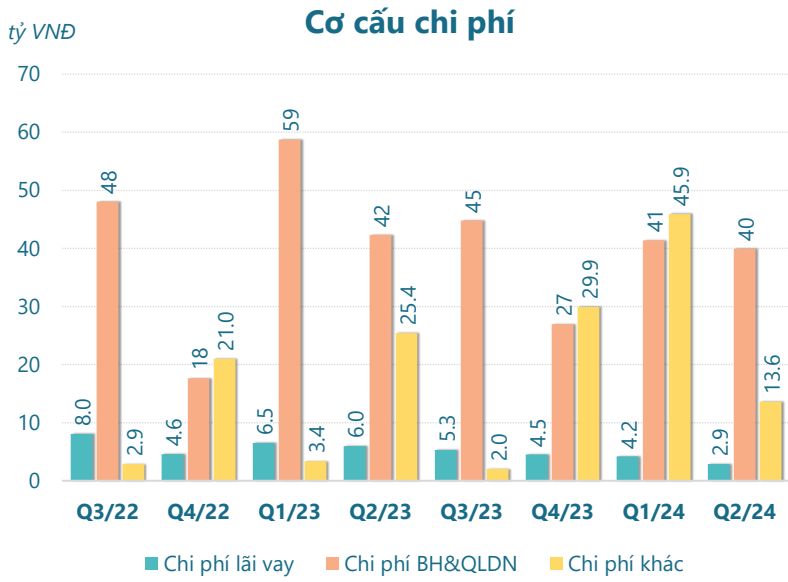
YoY: +/-▼ 0.7%





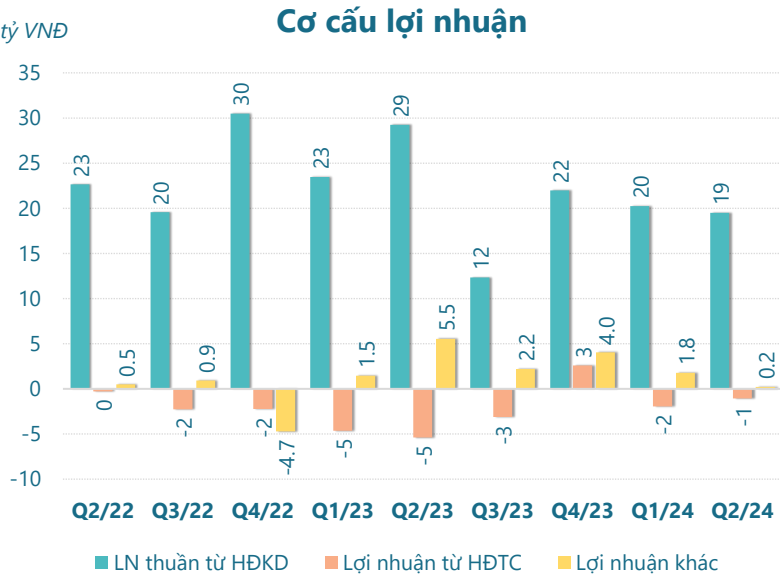
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 19.49 tỷ đồng**, giảm đi 3.61% so với kỳ trước và thấp hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.06 tỷ đồng** tăng thêm 0.89 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 4.31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.20 tỷ đồng**, giảm đi 88.8% so với kỳ trước và thấp hơn 96.4% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VDP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **225.5 tỷ đồng** giảm đi **8.27%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 15.64 tỷ đồng**, giảm sút **43.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **427.0 tỷ đồng** thấp hơn 17.6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 33.00 tỷ đồng** thấp hơn 29.8% so với cùng kỳ năm trước.



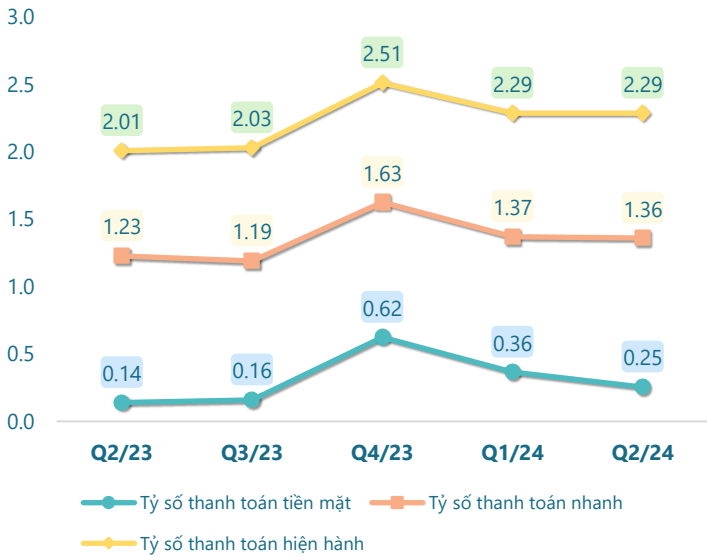
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.88 tỷ đồng** giảm đi 31.3% so với kỳ trước và thấp hơn 51.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **39.98 tỷ đồng** giảm đi 3.41% so với kỳ trước và thấp hơn 5.53% so với cùng kỳ năm trước.

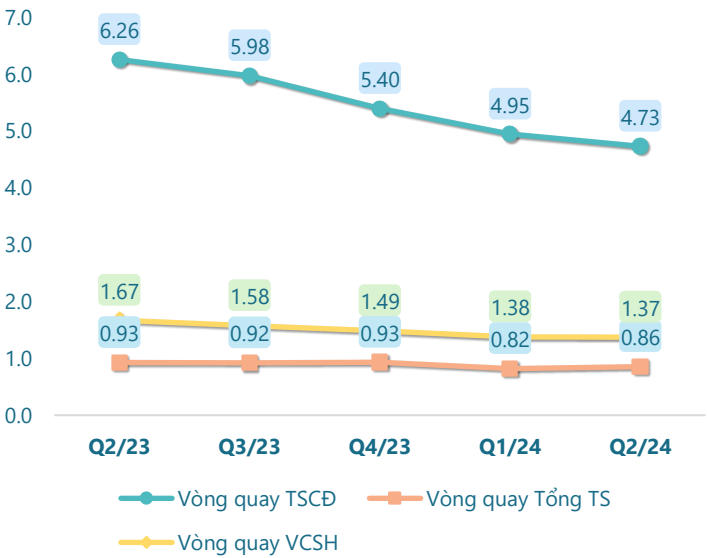
Chi phí khác bằng **13.63 tỷ đồng** giảm đi 70.3% so với kỳ trước và thấp hơn 46.4% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	225	201	12.2%	246	-8.4%	427	518	-17.6%
Giá vốn hàng bán	165	138	19.5%	169	-2.4%	303	354	-14.5%
Lợi nhuận gộp	60.5	63.6	-4.8%	76.9	-21.3%	124	164	-24.2%
Doanh thu HĐTC	5.14	2.33	121%	3.77	36.4%	7.47	5.72	30.5%
Chi phí TC	6.20	4.27	45.3%	9.14	-32.1%	10.5	15.7	-33.4%
Chi phí lãi vay	2.88	4.19	-31.2%	5.96	-51.6%	7.07	12.5	-43.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	24.6	25.0	-1.6%	34.8	-29.3%	49.6	78.8	-37.1%
Chi phí QLDN	15.4	16.4	-6.2%	7.53	104%	31.8	22.2	43.2%
LN thuần từ HĐKD	19.5	20.2	-3.5%	29.2	-33.3%	39.7	52.7	-24.7%
Lợi nhuận khác	0.20	1.78	-88.8%	5.52	-96.4%	1.98	6.97	-71.6%
LN trước thuế	19.7	22.0	-10.5%	34.7	-43.3%	41.7	59.7	-30.1%
Lợi nhuận sau thuế	15.6	17.6	-11.2%	27.6	-43.3%	33.2	47.4	-30.0%
LNST của CĐ cty mẹ	15.6	17.6	-11.2%	27.6	-43.3%	33.2	47.4	-30.0%

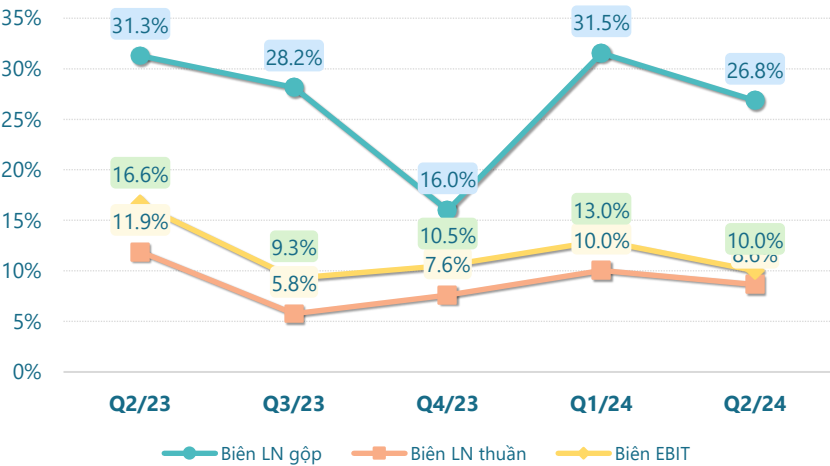
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

